

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG ĐIỆN 1**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 14 - 43 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và các Công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 13 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 11 tháng 5 năm 2021 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 8 544 270
- Fax : 0243 8 541 208

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện đến 220KV, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: Lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, lập dự toán công trình, lập hồ sơ và tổ chức đấu thầu thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp công trình, nhận thầu quản lý xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký kinh doanh).
- Đo vẽ địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, thí nghiệm cơ lý đất đá, cát, cuội, sỏi, vật liệu xây dựng phục vụ thiết kế.
- Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản.
- Nhận thầu khai thác, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- Đo vẽ địa hình, địa chất; Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát thủy văn; Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn; Thi công xây dựng công trình điện lực, công nghiệp, dân dụng; Thiết kế công trình, đường dây và trạm biến áp 220KV.
- Giám sát công trình đường dây và trạm biến áp đến 220KV lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện.
- Tổng thầu cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình điện lực.
- Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|--------------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Tài Anh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Phạm Nguyên Hùng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Hữu Chinh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Trần Thái Hải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Đức Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Đức Thành | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------|------------------------------------|
| Bà Cao Thúy Nga | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2018 |
| Ông Mai Hữu Thung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2018 |
| Bà Nguyễn Hoàng Điệp | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2018 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Hữu Chính | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Phạm Nguyên Hùng | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021 |
| Ông Đặng Hoàng Cẩm | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2018 |
| Ông Lê Minh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2017 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Nguyên Hùng (đến ngày 01 tháng 3 năm 2021) và Ông Nguyễn Hữu Chính (từ ngày 01 tháng 3 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty mẹ và các Công ty con.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ và các Công ty con trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty mẹ và các Công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ và các Công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty mẹ và các Công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Chinh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2021

4981
JG T
IEM H
N VÀ T
&
T.P.H

Số: 1.1365/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2021, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ và các Công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục phỏng vấn, phân tích số liệu và các thủ tục soát xét khác, chúng tôi nhận thấy tại Công ty còn tồn tại các vấn đề như sau:

- Công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30/6/2021 lần lượt là 106.666.866.488 VND và 495.913.309.202 VND không được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng liên quan. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng để có thể đưa kết luận về sự hiện hữu của các khoản công nợ này cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập và lãi quá hạn phải trả (nếu có).
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty còn các công trình dở dang nhiều năm. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng cần thiết để có thể xác định được tính chính xác của Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm ngày 30/6/2021, số tiền là 402.162.027.171 VND cũng như số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập và giá vốn dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế công trình.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ và các Công ty con 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vào ngày 29 tháng 3 năm 2021 với kết luận từ chối đưa ra ý kiến.



Nguyễn Hoàng Đức

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 782,890,316,796 | 877,358,900,828 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 22,102,163,098 | 27,181,348,481 |
| 1. Tiền | 111 | | 22,102,163,098 | 27,181,348,481 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 344,909,054,753 | 431,680,357,622 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 306,624,161,219 | 393,026,717,258 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 18,189,133,017 | 20,562,097,098 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 2,221,060,081 | 2,270,799,421 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 30,467,237,639 | 26,304,615,165 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (12,592,537,203) | (10,483,871,320) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 414,945,495,398 | 417,758,838,498 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 414,945,495,398 | 417,758,838,498 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 933,603,547 | 738,356,227 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 793,139,194 | 728,293,879 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 1,770,051 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 140,464,353 | 8,292,297 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 700,269,509,380 | 724,886,331,006 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 697,732,083,776 | 721,622,575,372 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 695,948,282,446 | 719,422,217,006 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1,179,720,335,530 | 1,179,113,297,347 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (483,772,053,084) | (459,691,080,341) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 1,783,801,330 | 2,200,358,366 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 19,300,438,838 | 19,175,638,838 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (17,516,637,508) | (16,975,280,472) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 483,573,867 | 393,413,867 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 483,573,867 | 393,413,867 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2,053,851,737 | 2,870,341,767 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 2,053,851,737 | 2,870,341,767 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1,483,159,826,176 | 1,602,245,231,834 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1,202,551,454,484 | 1,322,146,514,503 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 763,545,522,940 | 844,770,582,959 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10a | 48,823,909,289 | 54,203,912,417 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 101,632,818,309 | 95,235,465,035 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 13,867,435,454 | 49,272,718,408 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 23,826,207,461 | 78,942,933,677 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 15,776,140,036 | 19,209,183,052 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14a | 87,548,305,997 | 88,977,604,828 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15a | 468,630,799,137 | 455,170,103,285 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 3,439,907,257 | 3,758,662,257 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 439,005,931,544 | 477,375,931,544 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.10b | 33,718,160,727 | 33,718,160,727 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.14b | 47,563,327,061 | 47,563,327,061 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15b | 357,724,443,756 | 396,094,443,756 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 280,608,371,692 | 280,098,717,331 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 280,034,388,692 | 279,524,734,331 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 266,913,190,000 | 266,913,190,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 266,913,190,000 | 266,913,190,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 22,979,933,988 | 22,979,933,988 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 500,000,000 | 500,000,000 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (10,358,735,296) | (10,868,389,657) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (10,868,389,657) | (10,868,389,657) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 509,654,361 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 573,983,000 | 573,983,000 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | V.18 | 573,983,000 | 573,983,000 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1,483,159,826,176 | 1,602,245,231,834 |

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Quyền Kế toán trưởng

Dương Anh Tuấn

Bổn Giám đốc



Nguyễn Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 222,182,372,515 | 178,387,968,777 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 222,182,372,515 | 178,387,968,777 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 169,487,872,155 | 151,687,640,903 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 52,694,500,360 | 26,700,327,874 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 109,077,681 | 113,722,488 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 31,523,913,522 | 45,209,922,074 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 29,158,985,662 | 45,137,345,539 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 632,981,761 | 185,015,000 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 17,653,553,916 | 17,274,652,709 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 2,993,128,842 | (35,855,539,421) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 94,745,254 | 441,495,082 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 2,339,848,951 | 2,330,851,308 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (2,245,103,697) | (1,889,356,226) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 748,025,145 | (37,744,895,647) |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.12 | 238,370,784 | 230,020,557 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 509,654,361 | (37,974,916,204) |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 509,654,361 | (37,974,916,204) |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 19 | (1,423) |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | 19 | (1,423) |

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Doãn Thị Thu Dung

Dương Anh Tuấn

Nguyễn Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 748,025,145 | (37,744,895,647) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8,9 | 24,691,934,779 | 25,136,869,398 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 2,108,665,883 | (100,000,000) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.2,3 | 2,209,843,940 | (57,851,459) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (7,942,019) | 33,386,630 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 29,158,985,662 | 45,175,175,530 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 58,909,513,390 | 32,442,684,481 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 84,408,307,004 | 29,714,849,389 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 2,813,343,100 | (1,208,219,346) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (78,869,680,524) | (56,390,782,096) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 751,644,715 | 527,756,820 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (25,471,153,522) | (29,650,106,826) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.12 | (21,553,517,648) | (499,318,073) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 342,308,000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.16 | (318,755,000) | (3,000,227,770) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 20,669,701,515 | (27,721,055,421) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (801,443,183) | (1,251,874,000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | VI.7 | 454,545 | 9,954,545 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 7,487,474 | 55,426,015 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (793,501,164) | (1,186,493,440) |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.15a | 75,490,702,598 | 85,211,646,812 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.15a | (100,400,006,746) | (75,005,716,497) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (8,914,800) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (24,909,304,148) | 10,197,015,512 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (5,033,103,797) | (18,710,533,346) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 27,181,348,481 | 33,995,077,764 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (46,081,586) | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 22,102,163,098 | 15,284,544,418 |

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Quyền Kế toán trưởng

Dương Anh Tuấn

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện đến 220KV, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: Lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, lập dự toán công trình, lập hồ sơ và tổ chức đấu thầu thiết kế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, Công ty mẹ không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|---|---|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1 | Số 1A Km2, đường Phùng Hưng, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, TP Hà Nội | Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2 | 8/2 Phan Đình Phùng, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai | Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng | 503 Núi Thành, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng | Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4 | Số 599 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội | Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện | 100% | 100% | 100% | 100% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 734 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 747 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các Công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các Công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các Công ty con thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty mẹ và các Công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty mẹ và các Công ty con chủ yếu là Công cụ dụng cụ, Phí sử dụng phần mềm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Phí sử dụng phần mềm

Phí sử dụng phần mềm thể hiện khoản tiền phí Công ty đã trả cho nhà cung cấp. Phí sử dụng phần mềm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được sử dụng (1-3 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và các Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5-30 |
| Máy móc và thiết bị | 5-20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6-10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3-10 |
| Phần mềm quản lý | 2-3 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và các Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và các Công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ và các Công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng Công ty Điện lực xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty mẹ và các Công ty con đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ và các Công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 5.818.331.765 | 5.965.677.543 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 16.283.831.333 | 21.215.670.938 |
| Cộng | 22.102.163.098 | 27.181.348.481 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>103.925.184.418</i> | <i>154.682.557.088</i> |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị trực thuộc | 43.222.792.917 | 75.823.598.705 |
| Công ty Truyền tải điện 1 | 2.230.670.840 | 3.899.570.695 |
| BQL dự án Các công trình điện miền Bắc | 23.770.769.838 | 19.430.478.777 |
| BQL dự án Các công trình điện miền Trung | 8.849.278.260 | 11.409.916.588 |
| Các bên liên quan khác | 25.851.672.563 | 44.118.992.323 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>202.698.976.801</i> | <i>238.344.160.170</i> |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh | 34.530.446.594 | 40.111.658.626 |
| Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển điện Nho Quế | 11.780.920.765 | 11.780.920.765 |
| Công ty TNHH Xuân Thiện - Hà Giang | 6.062.403.754 | 6.062.403.754 |
| Công ty CP Xây dựng & Lắp máy Trung Nam | 5.277.944.152 | 7.913.944.152 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3 | 5.105.497.256 | 10.892.667.514 |
| Các khách hàng khác | 139.941.764.280 | 161.582.565.359 |
| Cộng | 306.624.161.219 | 393.026.717.258 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | <i>18.189.133.017</i> | <i>20.562.097.098</i> |
| Công ty Cổ phần VINTEG | 1.095.200.000 | 3.855.200.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Hòa Bình | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Vĩnh Phát | 677.350.000 | 677.350.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 14.916.583.017 | 14.529.547.098 |
| Cộng | 18.189.133.017 | 20.562.097.098 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu bên liên quan | - | | 49.337.288 | |
| Phải thu Công ty Mua bán Điện phí cấp quyền khai thác nước mặt và phí dịch vụ môi trường rừng nhà máy Sông Bung 5 | - | - | 49.337.288 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 30.467.237.639 | - | 26.255.277.877 | - |
| Ông Nguyễn Văn Tuấn - Tạm ứng | 1.272.377.723 | - | 1.389.590.573 | - |
| Bà Đào Thị Cẩm - Tạm ứng | 1.087.290.480 | - | 272.823.480 | - |
| Ông Trần Phú Nghĩa - Tạm ứng | 1.038.715.085 | - | 294.311.575 | - |
| Bà Đặng Thị Hạnh - Tạm ứng | 1.228.454.410 | - | 142.022.100 | - |
| Các đối tượng khác - Tạm ứng | 14.154.858.633 | - | 10.355.932.473 | - |
| Vốn nghiên cứu khoa học | 2.264.500.000 | - | 2.264.500.000 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 4.019.334 | - | 2.875.268.510 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 55.101.818 | - | 62.601.818 | - |
| Tiền điện các nhà thầu thi công | 2.652.547.761 | - | 2.652.547.761 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 6.709.372.395 | (63.539.000) | 5.945.679.587 | (63.539.000) |
| Cộng | 30.467.237.639 | (63.539.000) | 26.304.615.165 | (63.539.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Nợ xấu

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | | | | |
| Phải thu khách hàng | 204.736.570.056 | 192.247.571.853 | 204.736.570.056 | 194.356.237.736 |
| Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Điện Nho Quế | 11.701.660.164 | 11.701.660.164 | 11.701.660.164 | 11.701.660.164 |
| Công ty TNHH Xuân Thiện Hà Giang | 5.853.735.326 | 5.853.735.326 | 5.853.735.326 | 5.853.735.326 |
| Công ty TNHH Xuân Thiện Yên Bái | 4.861.032.237 | 4.861.032.237 | 4.861.032.237 | 4.861.032.237 |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam | 7.913.944.152 | - | 7.913.944.152 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh | 4.278.480.713 | 4.278.480.713 | 4.278.480.713 | 4.278.480.713 |
| Công ty Cổ phần Truyền tải điện Lộc Ninh | 7.028.886.275 | 4.920.220.392 | 7.028.886.275 | 7.028.886.275 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Long Tạo Điện Biên | 7.576.366.467 | 7.576.366.467 | 7.576.366.467 | 7.576.366.467 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 145.522.464.722 | 143.056.076.554 | 145.522.464.722 | 143.056.076.554 |
| Trả trước cho người bán | 8.696.311.020 | 8.656.311.020 | 8.696.311.020 | 8.656.311.020 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Hòa Bình | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Các đối tượng khác | 7.196.311.020 | 7.156.311.020 | 7.196.311.020 | 7.156.311.020 |
| Phải thu khác | 5.699.020.693 | 5.635.481.693 | 5.699.020.693 | 5.635.481.693 |
| Tạm ứng | 1.063.711.757 | 1.063.711.757 | 1.063.711.757 | 1.063.711.757 |
| Cộng | 220.195.613.526 | 207.603.076.323 | 220.195.613.526 | 209.711.742.206 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 10.483.871.320 | 9.733.944.152 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 2.108.665.883 | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | 12.592.537.203 | 9.733.944.152 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.923.033.988 | 1.927.969.103 |
| Công cụ, dụng cụ | 10.613.885.782 | 10.613.885.782 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 402.162.027.171 | 404.970.435.156 |
| Hàng hóa | 246.548.457 | 246.548.457 |
| Cộng | 414.945.495.398 | 417.758.838.498 |

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Công trình Thủy điện Bản Vẽ | 8.491.488.035 | 8.383.143.884 |
| Công trình Thủy điện Huội Quảng | 30.440.057.954 | 30.287.681.954 |
| Công trình Thủy điện Lai Châu | 26.646.207.487 | 27.254.934.450 |
| Công trình Thủy điện Sơn La | 12.377.676.559 | 11.732.890.259 |
| Công trình Hồ chứa nước Ngòi Giành - Phú Thọ | 5.796.245.410 | 5.779.765.410 |
| Công trình Thủy điện Tuyên Quang | 5.626.114.136 | 5.694.762.227 |
| Công trình Nhiệt điện Quảng Ninh | 21.496.760.803 | 21.496.760.803 |
| Công trình Thủy điện Hòa Bình MR | 11.039.261.580 | 9.223.751.266 |
| Công trình Thủy điện Nho Quế 1 | 6.554.046.379 | 6.584.104.733 |
| Công trình khác | 273.694.168.828 | 278.532.640.170 |
| Cộng | 402.162.027.171 | 404.970.435.156 |

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 183.271.253 | 366.866.070 |
| Phần mềm máy tính | 508.952.400 | 149.834.900 |
| Chi phí khác | 100.915.541 | 211.592.909 |
| Cộng | 793.139.194 | 728.293.879 |

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Phần mềm máy tính | 148.873.000 | 183.124.000 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 1.891.307.463 | 2.624.760.098 |
| Chi phí khác | 13.671.274 | 62.457.669 |
| Cộng | 2.053.851.737 | 2.870.341.767 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 794.236.624.771 | 286.087.332.481 | 66.987.120.731 | 10.008.653.955 | 21.793.565.409 | 1.179.113.297.347 |
| Mua trong kỳ | - | 626.865.000 | - | 49.778.183 | - | 676.643.183 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (69.605.000) | - | - | - | (69.605.000) |
| Số cuối kỳ | 794.236.624.771 | 286.644.592.481 | 66.987.120.731 | 10.058.432.138 | 21.793.565.409 | 1.179.720.335.530 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 11.048.740.341 | 18.944.511.004 | 21.220.405.047 | 7.327.479.955 | 134.659.000 | 58.675.795.347 |
| Chờ thanh lý | | | | | | |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 207.064.248.714 | 180.616.950.068 | 58.488.767.760 | 8.924.326.615 | 4.596.787.184 | 459.691.080.341 |
| Khấu hao trong kỳ | 15.714.313.648 | 5.063.101.161 | 2.778.891.426 | 354.029.702 | 240.241.806 | 24.150.577.743 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (69.605.000) | - | - | - | (69.605.000) |
| Số cuối kỳ | 222.778.562.362 | 185.610.446.229 | 61.267.659.186 | 9.278.356.317 | 4.837.028.990 | 483.772.053.084 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 587.172.376.057 | 105.470.382.413 | 8.498.352.971 | 1.084.327.340 | 17.196.778.225 | 719.422.217.006 |
| Số cuối kỳ | 571.458.062.409 | 101.034.146.252 | 5.719.461.545 | 780.075.821 | 16.956.536.419 | 695.948.282.446 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | | | | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | | | | |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 681.185.258.604 VND đã được thể chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|-------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 19.175.638.838 | (16.975.280.472) | 2.200.358.366 |
| Mua trong kỳ | 124.800.000 | - | 124.800.000 |
| Khấu hao trong kỳ | - | (541.357.036) | (541.357.036) |
| Số cuối kỳ | 19.300.438.838 | (17.516.637.508) | 1.783.801.330 |

10. Phải trả người bán

10a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 171.383.439 | 171.383.439 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 | 171.383.439 | 171.383.439 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 48.652.525.850 | 54.032.528.978 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Vĩnh Phát | 1.468.419.842 | 4.921.529.744 |
| Tractebel Engineering - COB | 2.708.189.638 | 5.622.422.974 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 5 | 3.919.494.653 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 40.556.421.717 | 43.488.576.260 |
| Cộng | 48.823.909.289 | 54.203.912.417 |

10b. Phải trả người bán dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 33.718.160.727 | 33.718.160.727 |
| HydroChina Zhongnan Engineering Corporation | 22.403.175.324 | 22.403.175.324 |
| Các nhà cung cấp khác | 11.314.985.403 | 11.314.985.403 |
| Cộng | 33.718.160.727 | 33.718.160.727 |

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước của các bên liên quan | 48.336.629.808 | 41.696.774.432 |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 161.500.000 | 161.500.000 |
| Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình | - | 495.852.349 |
| Ban quản lý dự án Điện 1 | 3.200.005.175 | 3.571.392.175 |
| Ban quản lý dự án Điện 2 | 8.574.955.022 | 2.486.786.560 |
| Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia | 115.625.333 | - |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát Điện 1 | 898.500.000 | 898.500.000 |
| Công ty Truyền tải điện 1 | 17.073.500 | 17.073.500 |
| Ban Quản lý Dự án Lưới điện - Điện lực Hà Nội | 636.672.930 | 636.672.930 |
| Ban quản lý Dự án lưới điện - Tổng công ty điện lực Miền Bắc | 768.981.720 | 768.981.720 |
| Ban quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội - Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội | 458.917.000 | 458.917.000 |
| Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Bắc | 13.074.747.474 | 10.472.337.086 |
| Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Trung | 9.376.384.300 | 10.587.345.972 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Nam | 953.542.140 | 1.070.863.270 |
| Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện - Chi nhánh | 2.516.890.165 | 2.903.675.834 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|-----------------------|
| Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | - | 31.114.907 |
| Công ty Thủy điện Sông Bung | 179.656.400 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà | 305.652.398 | 305.652.398 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam | 291.970.524 | 291.970.524 |
| Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3 | 443.158.789 | 443.158.789 |
| Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1 | 1.041.485.849 | 1.041.485.849 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 | 60.300.000 | 60.300.000 |
| Công ty Thủy điện Hòa Bình | 794.459.000 | - |
| Ban quản lý dự án lưới điện-Tổng công ty điện lực Miền Bắc | 907.655.000 | 1.434.696.480 |
| Ban quản lý Dự án phát triển điện lực | 2.206.078.314 | 2.206.078.314 |
| Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mỏ | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Công ty Điện lực Lạng Sơn | 34.199.000 | 34.199.000 |
| Công ty Điện lực Bắc Ninh | 93.252.100 | 93.252.100 |
| Công ty Điện lực Hà Tây | 35.000.000 | 35.000.000 |
| Công ty Điện lực Hưng Yên | 5.405.861 | 5.405.861 |
| Công ty Điện lực Quảng Ninh | 84.842.732 | 84.842.732 |
| Công ty TNHH MTV Điện lực Hải phòng | 99.719.082 | 99.719.082 |
| Trả trước của các khách hàng khác | 53.296.188.501 | 53.538.690.603 |
| Công ty TNHH Hà Thành | 7.942.730.000 | 7.942.730.000 |
| PowerChina Zhongnan Engineering Corporation Limited | 4.517.541.901 | 4.513.575.575 |
| Các khách hàng khác | 40.835.916.600 | 41.082.385.028 |
| Cộng | 101.632.818.309 | 95.235.465.035 |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|--|-----------------------|------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 13.781.562.778 | - | 17.707.679.634 | (24.688.525.906) | 6.915.374.037 | 114.657.531 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 21.360.497.186 | 8.292.297 | 718.474.726 | (21.553.517.648) | 525.454.264 | 8.292.297 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 4.487.161.508 | - | 1.543.082.345 | (3.761.663.086) | 2.286.095.292 | 17.514.525 |
| Thuế tài nguyên | 5.603.596.394 | - | 7.219.005.687 | (9.968.128.688) | 2.854.473.393 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 712.735.063 | (712.735.063) | - | - |
| Các loại thuế khác | 680.718.762 | - | 8.000.000 | (575.302.894) | 113.415.868 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 3.359.181.780 | - | 5.831.438.639 | (8.017.997.819) | 1.172.622.600 | - |
| Cộng | 49.272.718.408 | 8.292.297 | 33.740.416.094 | (69.277.871.104) | 13.867.435.454 | 140.464.353 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 238.370.784 | 230.020.557 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | - |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 238.370.784 | 230.020.557 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty mẹ và các Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 1.720,65 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng, từ ngày 20/03/2019 là 1864,44 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Tiền thuê đất

Công ty được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích 2.390.076,2 m² đất đang sử dụng tại xã Mà Caih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất do dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty phải nộp tiền sử dụng đất cho các khu đất đang sử dụng với các mức như sau:

| Vị trí đất | Mức tiền thuê |
|---|----------------------------|
| - Phần diện tích 614.004 m ² | 52,5 VND/m ² |
| - Phần diện tích 1.581.570 m ² | 70 VND/m ² |
| - Phần diện tích 203.400 m ² | 122,5 VND/m ² |
| - Phần diện tích 8.014,5 m ² | 133.700 VND/m ² |
| - Phần diện tích 989,9 m ² | 69.962 VND/m ² |
| - Phần diện tích 9.003,4 m ² | 625 VND/m ² |

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường đối với hoạt động khai thác thủy điện với mức 36 VND/KWh x Sản lượng.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 563.154.147 | 861.240.381 |
| Trích trước chi phí các công trình | 13.325.643.718 | 15.380.844.771 |
| Trích trước chi phí Xây dựng cơ bản Nhà Máy Sông Bung 5 | 954.471.245 | 954.471.245 |
| Chi phí đồng phục | 265.000.000 | 666.274.000 |
| Chi phí ăn ca | 373.269.000 | 374.896.000 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 294.601.926 | 971.456.655 |
| Cộng | 15.776.140.036 | 19.209.183.052 |

14. Phải trả khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả bên liên quan | 14.240.484.879 | 12.917.103.715 |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Lãi cổ tức phải trả | 14.240.484.879 | 12.917.103.715 |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 73.307.821.118 | 76.060.501.113 |
| Kinh phí công đoàn | 1.751.593.845 | 1.967.000.543 |
| Bảo hiểm xã hội | 432.998.612 | 425.098.286 |
| Bảo hiểm y tế | 19.378.503 | 20.930.643 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 8.473.261 | 9.302.508 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 2.366.383.005 | 2.366.383.005 |
| Vốn nghiên cứu khoa học | 158.808.000 | 158.808.000 |
| Phải trả lãi vay (cán bộ CNV) | 26.231.046.944 | 23.568.509.734 |
| Phải trả công nhân viên đã hoàn ứng chứng từ chưa thanh toán | 13.946.547.340 | 23.866.017.468 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 28.362.591.608 | 23.648.450.926 |
| Cộng | 87.548.305.997 | 88.977.604.828 |

14b. Phải trả dài hạn khác

Là cổ tức phải trả cho Tập đoàn Điện lực ("EVN") số tiền là 47.563.327.061 đồng bao gồm cổ tức phải trả của năm 2008, năm 2012 và năm 2014 với tổng số tiền là 35.333.888.711 đồng và cổ tức phải trả năm 2015 số tiền là 12.229.438.350 đồng. Theo Thỏa thuận về khoản tiền cổ tức chậm thanh toán số 01/EVN/TCKT-CPXDD1 ngày 17/12/2019 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 thống nhất về phương án xử lý khoản tiền cổ tức Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 chậm thanh toán cho EVN như sau:

- Tiến độ thanh toán nợ và lãi: Trả nợ gốc mỗi năm một lần trong vòng 4 năm kể từ ngày 01/01/2019; Trả lãi định kỳ 06 tháng;

- Lãi suất: Lãi suất tiền gửi bình quân 12 tháng trả sau của 4 Ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;)

- Thời hạn tính lãi: Đối với các khoản cổ tức 2008, 2012, 2014 có tổng giá trị là 35.333.888.711 đồng; Tính lãi từ ngày 30/09/2016; Đối với khoản cổ tức năm 2015 có giá trị 12.229.438.350 đồng; Tính lãi từ ngày 30/06/2016;

Tại thời điểm 30/06/2021, nợ gốc và lãi phải trả EVN đã đến hạn trả và phải trả trong 12 tháng tới theo thỏa thuận tương ứng là 41.617.911.178 đồng và 14.240.484.879 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | 6.492.750.000 | 7.932.265.000 |
| Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (i) | 6.492.750.000 | 7.932.265.000 |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 462.138.049.137 | 447.237.838.285 |
| Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (ii) | 12.682.076.000 | 27.500.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây (*) | 3.108.747.586 | 3.569.929.659 |
| Vay Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Tây Hà Nội | - | 122.740.054 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 143.687.206.173 | 148.225.093.159 |
| Ông Lê Phi Long | 64.400.000.000 | 64.400.000.000 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân khác | 79.287.206.173 | 83.825.093.159 |
| Vay lương (iii) | 244.920.019.378 | 217.765.075.413 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b) | 57.740.000.000 | 50.055.000.000 |
| Cộng | 468.630.799.137 | 455.170.103.285 |

- (i) Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực Hợp theo hợp đồng số 25/2021/HĐTD-HM-DN/TCĐL ngày 28/06/2021, hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch SXKD năm 2021-2022; thời hạn vay theo từng lần nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng; lãi suất được xác định theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay; khoản vay không có tài sản đảm bảo; Bên vay cam kết dùng toàn bộ tài sản, nguồn thu hợp pháp khác của mình để đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ;
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng 01/2020/134658/HĐTDHM ngày 14/07/2020, hạn mức tín dụng 60.000.000.000 VND đã bao gồm dư nợ hiện tại theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/134658/ HĐTDHM ngày 23/03/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/134568/HĐTDSĐ ngày 02/04/2019, số 01/2019/134568/HĐTDSĐ ngày 14/06/2019 chuyển tiếp sang, để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC; thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể; khoản vay được bảo đảm: Giá trị phương tiện vận tải (ô tô) của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/134658/HĐBD ngày 29 tháng 03 năm 2019 tổng giá trị tài sản thế chấp là 2.300.000.000 đồng, hợp đồng thế chấp số 02/2019/134658/HĐBD tháng 04 năm 2019 tổng giá trị tài sản thế chấp là 850.000.000 đồng, hợp đồng thế chấp số 01/2017/134658/HĐBD ngày 18/05/2017 tổng giá trị tài sản thế chấp là 2.010.000.000 đồng, hợp đồng thế chấp số 01/2020/134658/HĐBD ngày 08/10/2020 tổng giá trị tài sản thế chấp là 500.000.000 đồng.
- (iii) Các khoản vay cán bộ công nhân viên trong Công ty, có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận, không tài sản đảm bảo.
- (iv) Các khoản vay lương Cán bộ công nhân viên trong Công ty không tính lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------|------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 31.192.669.713 | 12.542.695.353 | - | (27.944.541.480) | 15.790.823.586 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 7.932.265.000 | 5.700.000.000 | - | (7.139.515.000) | 6.492.750.000 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 148.225.093.159 | - | - | (4.537.886.986) | 143.687.206.173 |
| Vay lương người lao động | 217.765.075.413 | 57.248.007.245 | - | (30.093.063.280) | 244.920.019.378 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 50.055.000.000 | - | 38.370.000.000 | (30.685.000.000) | 57.740.000.000 |
| Cộng | 455.170.103.285 | 75.490.702.598 | 38.370.000.000 | (100.400.006.746) | 468.630.799.137 |

15b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009, hạn mức tín dụng: 900.000.000.000 đồng; để đầu tư dự án Thủy điện Sông Bung 5; thời hạn vay 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất theo từng thời kỳ; khoản vay được đảm bảo bằng giá trị thiết bị của dự án Thủy điện Sông Bung 5 đã hình thành và đưa vào sử dụng theo Hợp đồng Thế chấp động sản và Quyền tài sản số 02/2009/SB5-HĐTCĐS ngày 14/08/2009.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 57.740.000.000 | 50.055.000.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 357.724.443.756 | 396.094.443.756 |
| Trên 5 năm | - | - |
| Cộng | 415.464.443.756 | 446.149.443.756 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 396.094.443.756 | 462.834.443.756 |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (38.370.000.000) | (33.370.000.000) |
| Số cuối kỳ | 357.724.443.756 | 429.464.443.756 |

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-----------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 1.721.154.401 | - | (9.000.000) | 1.712.154.401 |
| Quỹ phúc lợi | 2.037.507.856 | - | (309.755.000) | 1.727.752.856 |
| Cộng | 3.758.662.257 | - | (318.755.000) | 3.439.907.257 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 266.913.190.000 | 500.000.000 | 22.979.933.988 | 2.236.174.295 | 292.629.298.283 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | (37.974.916.204) | (37.974.916.204) |
| Số dư cuối kỳ trước | 266.913.190.000 | 500.000.000 | 22.979.933.988 | (35.738.741.909) | 254.654.382.079 |
| Số dư đầu năm nay | 266.913.190.000 | 500.000.000 | 22.979.933.988 | (10.868.389.657) | 279.524.734.331 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | 509.654.361 | 509.654.361 |
| Số dư cuối kỳ này | 266.913.190.000 | 500.000.000 | 22.979.933.988 | (10.358.735.296) | 280.034.388.692 |

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty TNHH MTV | 145.042.270.000 | 145.042.270.000 |
| Ông Lê Minh Hà | 37.908.250.000 | 37.908.250.000 |
| Cổ đông khác | 83.962.670.000 | 83.962.670.000 |
| Cộng | 266.913.190.000 | 266.913.190.000 |

17c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 26.691.319 | 26.691.319 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành công chúng | 26.691.319 | 26.691.319 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 26.691.319 | 26.691.319 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Nguồn kinh phí

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 573.983.000 | 1.268.983.000 |
| Nguồn kinh phí được cấp | - | 342.308.000 |
| Chi sự nghiệp | - | (931.018.000) |
| Số cuối kỳ | 573.983.000 | 680.273.000 |

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 317.608,14 USD (số đầu năm là 250.012,73 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán điện | 78.917.142.071 | 38.312.069.705 |
| Doanh thu tư vấn khảo sát, thiết kế công trình điện | 142.440.139.535 | 139.575.353.618 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng) | 825.090.909 | 500.545.454 |
| Cộng | 222.182.372.515 | 178.387.968.777 |

(i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Thủy điện Trị An | - | 3.405.104.131 |
| Công ty Thủy điện Sông Tranh | - | 1.050.290.546 |
| Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc | 10.738.748.886 | 29.741.674.627 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Nam - Chi nhánh TCT Truyền tải điện Quốc Gia | 860.132.650 | - |
| Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung | 5.913.906.138 | 6.989.847.868 |
| Công ty Thủy điện Bản Vẽ | - | 390.909.091 |
| Công ty Nhiệt điện Mông Dương | - | 380.950.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3 | - | 1.027.626.364 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi | - | 205.742.208 |
| Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng công ty phát điện 1 | - | 403.501.736 |
| Ban Quản lý dự án Thủy điện Sơn La | 6.673.788.182 | - |
| Công ty Mua bán điện | 78.917.142.071 | 38.312.069.705 |
| Công ty Thủy điện Sơn La | 366.817.543 | 3.722.541.816 |
| Công ty Thủy điện Tuyên Quang | 387.149.510 | - |
| Tổng Công ty Truyền tải điện 1 | 1.166.339.859 | 1.333.778.156 |
| Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2 | 870.940.000 | 6.841.907.273 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Italy | 1.996.638.999 | - |
| Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 1.299.539.899 | - |
| Ban quản lý dự án lưới điện - Điện lực Hà Nội | - | (1.682.000) |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | - | 552.000.000 |
| Ban Quản lý dự án Điện 2 | 5.716.222.054 | 19.701.570.062 |
| Ban Quản lý dự án Điện 1 | 2.949.091.070 | 1.675.402.727 |
| Ban Quản lý Truyền tải điện | 1.237.714.139 | - |
| Công ty Thủy điện Thác Bà | 1.389.329.080 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 | 864.290.000 | - |
| Công ty CP xây lắp điện 1 | 1.735.818.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Phát triển thủy điện Sê San | 9.033.739 | - |
| Công ty Thủy điện Đồng Nai | 26.235.000 | - |
| Công ty TNHH MTV thủy điện Sapa | (28.797.557) | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh | 2.358.753.758 | - |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn bán điện | 40.271.212.622 | 38.847.069.592 |
| Giá vốn tư vấn khảo sát, thiết kế công trình điện | 129.060.535.533 | 112.767.747.311 |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp (cho thuê văn phòng) | 156.124.000 | 72.824.000 |
| Cộng | 169.487.872.155 | 151.687.640.903 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 7.487.474 | 10.453.295 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 30.642.977 | 45.417.734 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 70.947.230 | 57.851.459 |
| Cộng | 109.077.681 | 113.722.488 |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 29.158.985.662 | 45.137.345.539 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 46.306.690 | 34.746.535 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 2.280.791.170 | - |
| Phí mượn sổ đỏ bảo lãnh khoản vay Ngân hàng | 37.830.000 | 37.830.000 |
| Cộng | 31.523.913.522 | 45.209.922.074 |
| 5. Chi phí bán hàng | | |
| Là các khoản chi bằng tiền khác | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 8.531.587.994 | 10.714.371.249 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 239.147.456 | 232.381.383 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 591.496.076 | 414.798.648 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 355.308.761 | 382.872.055 |
| Thuế, phí và lệ phí | 910.179.771 | 867.227.592 |
| Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi | 2.108.665.883 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.520.469.394 | 2.512.885.327 |
| Các chi phí khác | 3.396.698.581 | 2.150.116.455 |
| Cộng | 17.653.553.916 | 17.274.652.709 |

7. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 454.545 | 9.954.545 |
| Xử lý các khoản nợ phải trả | - | 286.185.390 |
| Thu nhập từ cho thuê diện tích đất trạm thu phát sóng | 84.000.000 | 84.000.000 |
| Thu nhập khác | 10.290.709 | 61.355.147 |
| Cộng | 94.745.254 | 441.495.082 |

8. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Xử lý các khoản nợ phải thu | - | 116.458.880 |
| Các khoản bị phạt | 2.339.848.949 | 2.208.746.455 |
| Chi phí khác | 2 | 5.645.973 |
| Cộng | 2.339.848.951 | 2.330.851.308 |

9. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 509.654.361 | (37.974.916.204) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 509.654.361 | (37.974.916.204) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 26.691.319 | 26.691.319 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 19 | (1.423) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 15.586.655.448 | 11.705.739.813 |
| Chi phí nhân công | 61.481.180.750 | 64.466.809.309 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 24.658.971.481 | 25.035.387.986 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 24.699.879.328 | 16.242.825.733 |
| Chi phí khác | 61.346.265.885 | 52.703.757.416 |
| Cộng | 187.772.952.892 | 170.154.520.257 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty mẹ và các Công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty mẹ và các Công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Tiền lương | Thù lao | Cộng thu nhập |
|---|----------------------|--------------------|----------------------|
| Kỳ này | | | |
| Ông Nguyễn Anh Tài - Chủ tịch HĐQT | - | 42.120.000 | 42.120.000 |
| Ông Phạm Nguyên Hùng - Thành viên HĐQT (đến ngày 29/04/2021) kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 01/03/2021) | 135.200.000 | - | 135.200.000 |
| Ông Trần Thái Hải - Thành viên HĐQT | 179.400.000 | - | 179.400.000 |
| Ông Nguyễn Đức Tuấn - Thành viên HĐQT | 179.400.000 | - | 179.400.000 |
| Ông Nguyễn Đức Thành - Thành viên HĐQT độc lập | - | 35.880.000 | 35.880.000 |
| Ông Nguyễn Hữu Chinh - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc kiêm (Từ ngày 29/04/2021) | 195.000.000 | - | 195.000.000 |
| Ông Đặng Hoàng Cẩm - Phó Tổng Giám đốc | 179.400.000 | - | 179.400.000 |
| Ông Lê Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc | 179.400.000 | - | 179.400.000 |
| Bà Cao Thúy Nga - Trưởng BKS | 187.200.000 | - | 187.200.000 |
| Ông Mai Hữu Thung - Thành viên BKS | - | 37.440.000 | 37.440.000 |
| Bà Nguyễn Hoàng Diệp - Thành viên BKS | - | 37.440.000 | 37.440.000 |
| Cộng | 1.235.000.000 | 152.880.000 | 1.387.880.000 |
| Kỳ trước | | | |
| Ông Phạm Nguyên Hùng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 189.540.000 | - | 189.540.000 |
| Ông Trần Thái Hải - Thành viên HĐQT | 161.460.000 | - | 161.460.000 |
| Ông Nguyễn Đức Tuấn - Thành viên HĐQT | 161.460.000 | - | 161.460.000 |
| Ông Nguyễn Đức Thành - Thành viên HĐQT độc lập | - | 32.292.000 | 32.292.000 |
| Ông Nguyễn Hữu Chinh - Phó Tổng Giám đốc | 161.460.000 | - | 161.460.000 |
| Ông Đặng Hoàng Cẩm - Phó Tổng Giám đốc | 161.460.000 | - | 161.460.000 |
| Ông Lê Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc | 161.460.000 | - | 161.460.000 |
| Bà Cao Thúy Nga - Trưởng BKS | 144.000.000 | - | 144.000.000 |
| Ông Mai Hữu Thung - Thành viên BKS | - | 28.800.000 | 28.800.000 |
| Bà Nguyễn Hoàng Diệp - Thành viên BKS | - | 28.800.000 | 28.800.000 |
| Cộng | 1.140.840.000 | 89.892.000 | 1.230.732.000 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ và các Công ty con gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|-------------------|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Công ty mẹ (EVN) |
| Ban QLDA các công trình điện miền Nam | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Bắc | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Trung | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban quản lý dự án Điện 1 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban quản lý dự án Điện 2 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Điện lực Miền Nam - TCT Truyền tải điện lực Miền Nam | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Điện nông thôn Miền Trung | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Lưới điện - Công ty Điện lực 1 | Cùng tập đoàn EVN |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|--------------------|
| Ban Quản lý Dự án Lưới điện - Điện lực Hà Nội | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Lưới điện Miền Trung | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban quản lý Dự án lưới điện -Tổng công ty điện lực Miền Bắc | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Lưới điện TP Hồ Chí Minh | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Lưới điện Thành phố Hải Phòng | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 2 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội - Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Thủy điện 2 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Thủy điện 3 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Thủy điện 4 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2 | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Dự án Thủy điện Sơn La | Cùng tập đoàn EVN |
| Ban Quản lý Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện miền Bắc | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Điện lực Hà Nam | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Điện lực Lạng Sơn | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Điện lực Thạch Thất | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Lưới điện Cao thế miền Trung | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Mua bán điện | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Phát triển Thủy điện Sê San | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty TNHH Đầu tư điện lực Việt Trung | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty TNHH MTV Điện lực Hải phòng | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát Điện 1 | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện An Khê - Kanak | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện Bản Vẽ | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện Đại Ninh | Cùng tập đoàn EVN |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|--------------------|
| Công ty Thủy điện Đồng Nai | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện Hòa Bình | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện Huội Quảng Bản Chát | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện Italy | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện Sông Bung | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện Sông Tranh | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện Sơn La | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện Tuyên Quang | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Thủy điện Trị An | Cùng tập đoàn EVN |
| Công ty Truyền tải điện 1 | Cùng tập đoàn EVN |
| Điện lực Cao Bằng | Cùng tập đoàn EVN |
| Điện lực Hà Nam | Cùng tập đoàn EVN |
| Điện lực Nam Định | Cùng tập đoàn EVN |
| Tổng Công ty Truyền tải điện 1 | Cùng tập đoàn EVN |
| Tổng Công ty Truyền tải Điện 2 | Cùng tập đoàn EVN |
| Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia | Cùng tập đoàn EVN |
| Ông Lê Minh Hà | Cổ đông lớn |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.10, V.11, V.14 và V.15.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty mẹ và các Công ty con có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thủy điện.
- Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Lĩnh vực thủy điện | Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện | Lĩnh vực khác | Cộng |
|---|-----------------------|---|--------------------|------------------------|
| Kỳ này | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 78.917.142.071 | 142.440.139.535 | 825.090.909 | 222.182.372.515 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 78.917.142.071 | 142.440.139.535 | 825.090.909 | 222.182.372.515 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 38.645.929.449 | 13.379.604.002 | 668.966.909 | 52.694.500.360 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (18.286.535.677) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 34.407.964.683 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 109.077.681 |
| Chi phí tài chính | | | | (31.523.913.522) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | |
| Thu nhập khác | | | | 94.745.254 |
| Chi phí khác | | | | (2.339.848.951) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (238.370.784) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 509.654.361 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | | - |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | | | | - |
| Kỳ trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 38.312.069.705 | 139.575.353.618 | 500.545.454 | 178.387.968.777 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 38.312.069.705 | 139.575.353.618 | 500.545.454 | 178.387.968.777 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | (534.999.887) | 26.807.606.307 | 427.721.454 | 26.700.327.874 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (17.459.667.709) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 9.240.660.165 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 113.722.488 |
| Chi phí tài chính | | | | (45.209.922.074) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lĩnh vực thủy điện | Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện | Lĩnh vực khác | Cộng |
|---|-----------------------|---|---------------|-------------------------|
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | |
| Thu nhập khác | | | | 441.495.082 |
| Chi phí khác | | | | (2.330.851.308) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (230.020.557) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | (37.974.916.204) |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 1.807.317.611 | | 1.807.317.611 |

**Tổng chi phí khấu hao và phân bổ
chi phí trả trước dài hạn**

**Tổng giá trị các khoản chi phí lớn
không bằng tiền (trừ chi phí khấu
hao và phân bổ chi phí trả trước
dài hạn)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 696.894.047.829 | 726.148.598.467 | | 1.423.042.646.296 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 60.117.179.880 |
| Tổng tài sản | | | | 1.483.159.826.176 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 446.082.372.176 | 153.556.959.905 | | 599.639.332.081 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 602.912.122.403 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 1.202.551.454.484 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 36.122.922.361 | 795.224.730.493 | | 831.347.652.854 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 770.897.578.980 |
| Tổng tài sản | | | | 1.602.245.231.834 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 475.436.870.980 | 153.870.110.955 | | 629.306.981.935 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 692.839.532.568 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 1.322.146.514.503 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2021



Doãn Thị Thu Dung
Người lập biểu



Dương Anh Tuấn
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc

